

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 14-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Trúc Lâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLPT – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị T; cư trú tại: Số A, đường C, phường D, quận K, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phú H; cư trú tại: Tổ E, ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Phú H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Châu Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Phú H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường D, quận K, thành phố Cần Thơ, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Chị luôn nhường nhịn

để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị được yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phú H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Châu Thiên L, sinh ngày 26/7/2012, hiện tại cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm kế toán trưởng thu nhập trung bình mỗi tháng 40.000.000 đồng, có nhà ở Cần Thơ, nhà có người giúp việc. Chị đi từ làm sáng đến khoảng 6 giờ chiều về, cơ quan gần nhà nên chị sắp xếp công việc để nuôi dạy con. Anh H đã lớn tuổi lại ở chung với chị hai đã già nên việc chăm sóc con không đảm bảo. Việc anh H cho rằng cháu L ở với chị và người con riêng của chị tên Phạm Châu Tấn Đ sẽ không tốt cho cháu L, do Đ nghiện game là không đúng. Cháu là học sinh giỏi từ khi đi học cho đến nay.

Về tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/3/2020, bị đơn anh Nguyễn Phú H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Châu Thị T về việc kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Việc chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung. Anh có đủ điều kiện để nuôi con, thu nhập từ việc làm vườn mỗi tháng 15.000.000 đồng, có nhà đất ở huyện B, hiện nay anh sống ở huyện B cùng với chị hai năm nay đã 80 tuổi. Cháu L hiện nay đang học bán trú ở Trường tiểu học P, thành phố Cần Thơ. Anh sẽ mua nhà hoặc thuê nhà ở Cần Thơ để đưa đón con đi học. Nếu giao con cho chị T nuôi thì con chỉ ở với người giúp việc, vì chị T đi làm từ sáng đến tối khoảng 10 giờ mới về. Chị T có con riêng năm nay 15 tuổi nhưng lại nghiện chơi game nên nếu ở chung, sẽ ảnh hưởng đến cháu L.

Về tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đã xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữ chị Châu Thị T và anh Nguyễn Phú H.

Về con chung: Chị Châu Thị T được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Châu Thiên L, sinh ngày 26/7/2012, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2020, bị đơn anh Nguyễn Phú H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm cho anh được nuôi con chung tên Nguyễn Châu Thiên L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Châu Thị T và anh Nguyễn Phú H kết hôn vào năm 2012, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường D, quận K, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và hai người không còn chung sống với nhau. Về quan hệ hôn nhân, cấp sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H, phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Anh H kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Châu Thiên L, sinh ngày 26/7/2012. Xét trong quá trình giải quyết vụ án việc cha mẹ có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khi giải quyết ly hôn các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con hoặc Tòa án xử giao con cho ai là người trực tiếp nuôi phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người và phải quan tâm đến quyền và lợi ích mọi mặt của đứa trẻ, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Thời điểm Tòa án sơ thẩm xét xử cháu L đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống chung với cha hoặc với mẹ đều được.

Nhận thấy anh H và chị T có 01 con chung Nguyễn Châu Thiên L, sinh ngày 26/7/2012. Xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị T và anh H đều có đủ điều kiện như có chỗ ở, thu nhập ổn định, hai người đều thương yêu, lo lắng, chăm sóc cho con. Thời điểm chị T và anh H không còn sống chung thì chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, cháu được chăm sóc tốt, sức khỏe ổn định, cháu phát triển bình thường, hiện nay cháu đang học tiểu học tại trường P thuộc phường D, quận K, thành phố Cần Thơ. Chị T cũng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Nguyện vọng của cháu L muốn tiếp tục học ở trường P với các bạn trong lớp, vì vậy để ổn định cần giao cháu L cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu L, nhận thấy chị T có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con, việc không yêu cầu cấp dưỡng cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cháu nên được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Phú H và giữ nguyên Bản án số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Châu Thiên L, sinh ngày 26/7/2012, hiện nay do chị Châu Thị T đang nuôi dưỡng cho chị Châu Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Phú H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Anh Nguyễn Phú H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do anh H nộp theo biên lai thu số 11486 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDHB: 01;
- THADSHB: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn